

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HS-PT
Ngày 23 – 5 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cận.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Mầu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 39/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Lê Như Y do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Lê Như Y, sinh ngày 29/3/2007 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Học sinh trường Cao đẳng K1; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phan A và bà Lê Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 18/3/2023 bị Công an thành phố V ra quyết định xử phạt bằng hình thức phạt cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích. Bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương, (bị cáo có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Lê Như Y đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị C, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; là mẹ của bị cáo Ý, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê Như Y: Bà Nguyễn Thị Thúy H – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V, (có mặt).

Ngoài ra vụ án còn có các bị cáo khác, người bị hại không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với anh Nguyễn Đăng Q là con trai của ông Nguyễn Đăng K nên Nguyễn Lê Như Y, Phạm Minh H1 và Nguyễn Tuấn H2 thường xuyên đến nhà ông K chơi với anh Q. Khi H1, H2 đến nhà chơi, một vài lần ông K đưa thẻ ngân hàng của mình mở tại Ngân hàng N (A1), cung cấp mật khẩu truy cập tài khoản là “123456” để nhờ H1, H2 đi rút tiền hộ. Khoảng cuối tháng 6/2023, ông K nhờ H1, H2 đi mua hộ ông K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone X và nhờ H2 cài đặt mật khẩu màn hình điện thoại là “000000”. Sau khi mua được điện thoại, ông K đã tải và cài đặt ứng dụng Ngân hàng A1 trên chiếc điện thoại trên, cài đặt mật khẩu đăng nhập tài khoản ngân hàng trên điện thoại di động của mình là “123456”. Khi H1 đến chơi, có lần ông K đã nói ra mật khẩu truy cập ứng dụng ngân hàng trên điện thoại của mình là “123456” (trùng với mật khẩu rút tiền bằng thẻ ATM) nên H1 nhớ và đã kể việc này cho H2, Ý biết. H1, H2 cũng kể cho Ý biết mật khẩu điện thoại của ông K. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên H1, H2, Ý đều nảy sinh ý định khi thuận lợi sẽ truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Đăng K qua ứng dụng A1 được cài đặt trên điện thoại di động của ông K để chiếm đoạt tiền của ông K. Sau đó, từ ngày 13 đến ngày 16/7/2023, các đối tượng trên đã truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông K được cài đặt trên điện thoại, chiếm đoạt tổng số tiền 15.010.000 đồng, cụ thể từng lần như sau:

Lần 1: Vào khoảng 10 giờ 50 phút ngày 13/7/2023, Y và H2 đến nhà ông Kim chơi thì thấy ông K đang sửa xe mô tô ở bên ngoài, trong nhà không có ai. Y và H2 vào phòng khách nhà ông K ngồi chơi ở 2 ghế đối diện nhau. H2 ngồi nghịch điện thoại của mình còn Y quan sát thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng đang đặt tại bàn uống nước, biết đây là chiếc điện thoại di động của ông K mà H1 và H2 đã mua giúp và cài đặt mật khẩu màn hình cho ông K nên Y đã cầm chiếc điện thoại này bấm nhập mật khẩu màn hình điện thoại là “000000” để mở khoá màn hình chiếc điện thoại rồi mở ứng dụng A1 cài đặt trên điện thoại di động của ông K, Y tiếp tục nhập mật khẩu “123456” để truy cập vào tài khoản ngân hàng A1 của ông K (ông K cài đặt mật khẩu ứng dụng trên máy giống mật khẩu thẻ ngân hàng). Sau khi truy cập được vào ứng dụng ngân hàng A1 trên điện thoại di động của ông K thì Y bấm vào mục “chuyển khoản” rồi chọn mục “CK liên NH qua số tài khoản theo mật khẩu tài khoản”, chọn ngân hàng T5 là Ngân hàng TMCP Q1 (MB), Y bấm vào mục số tài khoản thụ hưởng và nhập số tài khoản là 0339774403 của Nguyễn Đức P - sinh năm 2007, trú tại xã K - huyện V (là bạn học cùng lớp với Ý). Tiếp theo, Ý bấm vào mục số tiền và nhập số tiền là 10.000 đồng rồi bấm vào phần “Tiếp tục” để chuyển số tiền 10.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của P. Ngay sau đó thì điện thoại di động của ông K nhận được tin nhắn SMS gửi mã OTP từ hệ thống ngân hàng A1, Ý nhập mã OTP vừa nhận để xác thực việc chuyển tiền. Lúc này, Ý thấy ứng dụng A1 thông báo đã chuyển tiền thành công và có tin nhắn SMS từ hệ thống ngân hàng A1 thông báo đã trừ số tiền 10.000 đồng trong tài khoản ngân hàng của ông K. Y gọi điện thoại cho P và hỏi “Có nhận được 10.000 đồng vào tài khoản ngân

hàng không?”, P trả lời: “có”. Y bảo P chuyển khoản lại số tiền 10.000 đồng vào tài khoản của Y mở tại Ngân hàng TMCP Q1 (MB), số tài khoản là 67777729032007, P đồng ý và thực hiện việc chuyển lại số tiền 10.000 đồng cho Y. Sau đó, Y vào mục tin nhắn SMS trên điện thoại của ông K xóa bỏ tin nhắn gửi mã OTP và tin nhắn thông báo trừ tiền từ hệ thống ngân hàng A1 vừa gửi đến. Y để lại chiếc điện thoại của ông K tại vị trí cũ rồi ngồi chơi cùng H2 và kể lại cho H2 biết việc mình vừa truy cập vào tài khoản ngân hàng trên điện thoại, chiếm đoạt được tiền của ông K. Sau đó, Y và H2 thống nhất sẽ truy cập bất hợp pháp tiếp vào tài khoản ngân hàng của ông K để chiếm đoạt tài sản.

Lần 2: Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 13/7/2023, Y và H2 từ phòng riêng của anh Q đi xuống nhà để chuẩn bị về còn anh Q vẫn ở trong phòng, ông K vẫn đang sửa xe mô tô ở bên ngoài, điện thoại của ông K vẫn để tại bàn uống nước trong phòng khách. Thấy vậy, Y cầm điện thoại của ông Kim m mật khẩu màn hình, truy cập vào ứng dụng ngân hàng A1 của ông K cài đặt trên máy rồi thực hiện các thao tác như trên để chuyển số tiền 1.000.000 đồng trong tài khoản của ông K đến số tài khoản là 888812062007 của Nguyễn Quang T - sinh năm 2007, trú tại phường L - thành phố V (là bạn học cùng lớp với Y), H2 ở bên cạnh và xem Y truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của ông K để chiếm đoạt tiền. Đến mục nhập số tài khoản thụ hưởng thì Y đưa điện thoại ông K cho H2 cầm, Y mở điện thoại của mình tìm số tài khoản của anh T, đọc cho H2 nhập vào ứng dụng, khi thấy điện thoại di động của ông K nhận được tin nhắn SMS gửi mã OTP từ hệ thống ngân hàng A1, H2 nhập mã OTP để xác thực việc chuyển tiền. Y và H2 thấy ứng dụng A1 thông báo đã chuyển tiền thành công và có tin nhắn SMS từ hệ thống ngân hàng A1 thông báo đã trừ số tiền 1.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng của ông K. Y gọi điện thoại cho T hỏi: “Có nhận được tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng không?”, T nói: “Có”, rồi Y bảo T chuyển khoản lại số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản số 67777729032007 của Y mở tại ngân hàng M. Sau khi nhận được tiền từ T thì Y vào mục tin nhắn SMS trên điện thoại của ông K xóa bỏ tin nhắn gửi mã OTP và tin nhắn thông báo trừ tiền từ hệ thống ngân hàng A1 vừa gửi đến. Sau đó, Y sử dụng tài khoản của mình mở tại Ngân hàng M chuyển số tiền 500.000 đồng đến tài khoản số 70000023012007 của H2 mở tại ngân hàng M để chia cho H2 tiêu xài.

Lần 3: Khoảng 08 giờ 50 phút ngày 15/7/2023, Y và H1 đến nhà ông Kim c thì thấy ông K để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng của ông K ở bàn uống nước trong phòng khách còn ông K đang ở bên ngoài sửa xe mô tô. Thấy vậy, Y và H1 hiểu ý nhau là thời điểm thuận lợi để chiếm đoạt tiền trong tài khoản của ông K, H1 cầm điện thoại của ông Kim m khoá màn hình điện thoại rồi truy cập vào ứng dụng ngân hàng A1 của ông K cài đặt trên máy, chọn mục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của ông K sang tài khoản khác. Y xem H1 thao tác và bảo H1 chọn ngân hàng thụ hưởng là ngân hàng M, vào mục số tài khoản thụ hưởng rồi Y đọc cho H1 nhập số tài khoản thụ hưởng là 888812062007 của Nguyễn Quang T. H1 nhập số tiền chuyển đi là 2.000.000 đồng rồi bấm vào phần “Tiếp tục” để chuyển số tiền 2.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của ông K vào tài khoản ngân hàng của T rồi đưa điện thoại của ông K

cho Ý. Ngay sau đó thì điện thoại di động của ông K có nhận được tin nhắn SMS gửi mã OTP từ hệ thống ngân hàng A1, Y nhập mã OTP để xác thực việc chuyển tiền. Lúc này, thấy ứng dụng A1 trên điện thoại của ông K thông báo là đã chuyển tiền thành công và có tin nhắn SMS từ hệ thống ngân hàng A1 thông báo trừ số tiền 2.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng của ông K thì Y gọi điện thoại cho T, hỏi “Có nhận được 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng không”, T bảo “Có” rồi Y bảo T chuyển khoản lại số tiền trên vào tài khoản cho Y (số tài khoản 67777729032007 mở tại ngân hàng M). Sau khi nhận được tiền T chuyển lại, Y xóa bỏ tin nhắn gửi mã OTP và tin nhắn thông báo trừ tiền tài khoản vừa gửi đến điện thoại của ông K rồi Y và H1 để chiếc điện thoại của ông K nêu trên lại vị trí cũ và lên phòng anh Q ở tầng 4 để chơi. Một lúc sau, Ý và H1 đi về nhà mình, Y chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản của Ý đến số tài khoản 0362904493 của H1 mở tại ngân hàng M để chia tiền vừa chiếm đoạt được của ông K cho H1 tiêu xài.

Lần 4: Vào khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày 15/7/2023, Y và H1 tiếp tục đến nhà ông Kim c thì thấy ông K vẫn để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng của ông K ở bàn uống nước tại phòng khách nhà ông K còn ông K thì đang sửa xe mô tô ở bên ngoài. Thấy vậy, H1 cầm điện thoại của ông K lên, nhập mật khẩu mở khoá màn hình rồi đưa điện thoại cho Y, Y hiểu ý H1 bảo Ý tiếp tục truy cập vào ứng dụng ngân hàng A1 của ông K cài đặt trên điện thoại để chiếm đoạt tiền của ông K. Ý mở ứng dụng ngân hàng, chọn mục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của ông K sang tài khoản khác, chọn ngân hàng thụ hưởng là ngân hàng M rồi vào mục số tài khoản thụ hưởng nhập số tài khoản 0339774403 của Nguyễn Đức P mở tại ngân hàng M, Y tự nhập số tiền chuyển khoản là 2.000.000 đồng rồi bấm vào phần “Tiếp tục” để chuyển 2.000.000 đồng từ tài khoản của ông K vào tài khoản của P. Sau khi ngân hàng báo chuyển tiền thành công, Y gọi điện thoại cho P, hỏi “Có nhận được tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng không?”, P nói “Có” rồi Y bảo P chuyển khoản lại số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản cho Y Sau khi nhận được tiền từ P chuyển đến, Y xóa bỏ tin nhắn gửi mã OTP và tin nhắn thông báo trừ tiền từ hệ thống ngân hàng A1 vừa gửi đến điện thoại của ông K rồi Y và H1 để chiếc điện thoại của ông K lại vị trí cũ và lên phòng anh Q.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 2.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của ông K nêu trên, Y chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản của Y đến số tài khoản 0362904493 của H1 mở tại ngân hàng M để chia cho H1 tiêu xài.

Lần 5: Khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày 15/7/2023, Y và H1 đi xuống tầng 1 nhà ông K để về. Lúc này, thấy ông K vẫn đang sửa xe mô tô ở bên ngoài, điện thoại di động của ông K vẫn để trên mặt bàn uống nước. Thấy vậy, H1 và Y cùng đến vị trí để chiếc điện thoại của ông K, H1 cầm chiếc điện thoại, bấm mật khẩu mở khoá màn hình rồi đưa cho Y để tiếp tục thực hiện việc truy cập bất hợp pháp tài khoản của ông K để chiếm đoạt tiền. Y hiểu ý, cầm điện thoại của ông K, truy cập vào ứng dụng ngân hàng A1 của ông K cài đặt trên điện thoại rồi thực hiện thao tác tương tự như những lần trước, chuyển thành công số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản của ông K vào số tài khoản 0325296980 mở tại ngân hàng M của

cháu Đinh Trịnh Thanh T1- sinh năm 2007 (là bạn học cùng lớp với Y). Y gọi điện thoại cho T1, hỏi “Có nhận được 5.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng không” thì T1 trả lời: “Có”. Y bảo T1 chuyển khoản lại số tiền trên vào tài khoản cho Y. Sau khi nhận được 5.000.000 đồng T1 chuyển khoản lại, Y xóa bỏ tin nhắn gửi mã OTP và tin nhắn thông báo trừ tiền từ hệ thống ngân hàng A1 vừa gửi đến điện thoại ông K rồi để lại chiếc điện thoại của ông K ở vị trí cũ rồi H1 đi về. Cùng ngày, Y chuyển khoản số tiền 2.500.000 đồng đến số tài khoản 0362904493 của H1 mở tại ngân hàng M để chia cho H1 tiêu xài

Lần 6: Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 16/7/2023, Y và H1 lại đến nhà ông Kim chơi. Lúc này, ông K vẫn để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng ở bàn uống nước trong phòng khách còn ông K thì đang ở bên ngoài sửa xe. Thấy vậy, H1 cầm điện thoại của ông Kim bấm mở mặt khóa màn hình rồi đưa điện thoại của ông K cho Y bảo Y truy cập vào ứng dụng ngân hàng A1 của ông K để chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của ông K sang tài khoản khác nhằm chiếm đoạt. Y cầm điện thoại, truy cập ứng dụng ngân hàng cài trên máy, thực hiện thao tác và chuyển thành công số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của ông K đến số tài khoản 0339774403 của cháu Nguyễn Đức P mở tại ngân hàng M. Sau khi gọi điện thoại cho P xác nhận tài khoản của P đã nhận được số tiền 5.000.000 đồng chuyển đến thì Y bảo P chuyển khoản lại số tiền trên vào tài khoản cho Y. Sau khi nhận được tiền từ P chuyển đến tài khoản của Y, Y xóa bỏ tin nhắn gửi mã OTP và tin nhắn thông báo trừ tiền từ hệ thống ngân hàng A1 vừa gửi đến điện thoại của ông K rồi để trả lại chiếc điện thoại của ông K ở vị trí cũ, một lúc sau thì H1 và Y ra về. Sau đó, Y sử dụng tài khoản ngân hàng số 67777729032007 mở tại ngân hàng M của Y chuyển số tiền 2.500.000 đồng trong số tiền chiếm đoạt được của ông K đến số tài khoản 0362904493 của H1 thuộc ngân hàng M để H1 tiêu xài.

Ngày 17/7/2023, ông K kiểm tra tài khoản ngân hàng thì phát hiện bị mất số tiền 15.010.000 đồng nên đến Công an thị trấn T trình báo sự việc. Cùng ngày, Công an thị trấn T đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc trên đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lê Như Y, Phạm Minh H1, Nguyễn Tuấn H2 phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Như Y 01 (Một) năm 08 (T2) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/02/2024, bị cáo Nguyễn Lê Như Y có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin rút yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo Ý là bà Lê Thị C trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê Như Y: Bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày quan điểm bào chữa, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lê Như Y, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc về hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lê Như Y làm trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Nguyễn Lê Như Y khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, của bị hại và những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận:

[4] Do không có tiền tiêu xài cá nhân và trong thời gian từ ngày 13/7/2023 đến ngày 16/7/2023 khi đến chơi nhà ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1958 tại thị trấn T, huyện V. Bị cáo Nguyễn Lê Như Y đã cùng các bị cáo Phạm Minh H1 và Nguyễn Tuấn H2 nhiều lần truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông K để chiếm đoạt tài sản. Với thủ đoạn truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông K được cài đặt trên điện thoại rồi thực hiện liên tiếp các thao tác để chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của ông K đến các tài khoản của người khác rồi nhờ chuyển lại tài khoản của Ý, Ý đã thực hiện truy cập bất hợp pháp

vào tài khoản ngân hàng của ông K 6 lần và chiếm đoạt được tổng số tiền 15.010.000 đồng; H2 thực hiện 01 lần truy cập bất hợp pháp cùng Y vào ngày 13/7/2023, chiếm đoạt được số tiền 1.000.000 đồng của ông K và được hưởng lợi 500.000 đồng; H1 thực hiện 04 lần truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của ông K cùng Y vào ngày 15 và 16/7/2023, chiếm đoạt được của ông K tổng số tiền 14.000.000 đồng và được hưởng lợi 7.000.000 đồng. Cụ thể: Khoảng 10 giờ 55 phút ngày 13/7/2023, Nguyễn Lê Như Y đã thực hiện một mình toàn bộ hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông K chiếm đoạt tài sản của ông K 01 lần với số tiền chiếm đoạt được là 10.000 đồng. Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 13/7/2023, Nguyễn Lê Như Y cùng Nguyễn Tuấn H2 truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông K thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông K 01 lần với số tiền chiếm đoạt được là 1.000.000 đồng. Khoảng 09 giờ ngày 15/7/2023, Ý cùng Phạm Minh H1 đã cùng nhau thực hiện 01 lần hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông K, chiếm đoạt được của ông K số tiền 2.000.000 đồng. Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 15/7/2023, Ý cùng H1 tiếp tục thực hiện 01 lần hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông K, chiếm đoạt được của ông K số tiền 2.000.000 đồng. Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 15/7/2023, Y vẫn cùng H1 tiếp tục truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông K, chiếm đoạt được của ông K số tiền 5.000.000 đồng. Khoảng 13 giờ ngày 16/7/2023, Y và H1 cùng thực hiện hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của ông K chiếm đoạt tài sản của ông K 01 lần với số tiền chiếm đoạt được là 5.000.000 đồng. Các bị cáo đã sử dụng phương tiện điện tử là điện thoại di động, sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của ông K để chiếm đoạt số tiền 15.010.000 đồng trong tài khoản ngân hàng của ông K. Bị cáo ý thực hiện hành vi phạm tội 6 lần, phạm vào tội theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

[5] Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Lê Như Y về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Lê Như Y, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[7] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, chiếm đoạt số tiền không lớn, mục đích tiêu sài cá nhân, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả do mình gây ra, hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử đã áp dụng các Điều 90, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[8] Trong quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm các tài liệu là các tình tiết giảm nhẹ như: Ông ngoại của bị cáo là Lê Thanh T3 là người có công với cách mạng, thương binh 21% được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng 3. Ngoài ra, ông ngoại bị cáo có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp giáo dục và được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác hội cựu giáo chức và được Hội cựu giáo chức huyện V tặng Giấy khen. Ông nội bị cáo là Nguyễn Đức T4 là người có thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng.

[9] Mặc dù, bị cáo là người tích cực nhất thực hiện hành vi phạm tội so với các bị cáo khác và được hưởng lợi nhiều nhất; bị cáo có tiền sự về hành vi cố ý gây thương tích, bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo ngày 18/3/2023, chưa hết thời gian 6 tháng (thời gian xóa xử phạt vi phạm hành chính đối với hình thức xử phạt cảnh cáo), từ ngày 13 đến 17/7/2023 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu khi hơn 16 tuổi, tuổi đời còn nhỏ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo đang ở trong độ tuổi có những hành vi bồng bột thiếu suy nghĩ. Theo Điều 107 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về xóa án tích thì người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý thì được coi là không có án tích. Nhưng Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 không có quy định người chưa thành niên bị xử phạt vi phạm hành chính được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, mặc dù trách nhiệm hành chính nhẹ hơn trách nhiệm hình sự, nên bị cáo vẫn bị coi là có tiền sự. Xét thấy, bị cáo đang bảo lưu chương trình học phổ thông, mẹ bị cáo xác định nếu được cải tạo tại địa phương thì tiếp tục cho bị cáo đi học, bị cáo 2 lần vi phạm pháp luật do nhận thức còn hạn chế, cuộc sống hàng ngày bị cáo vẫn là người con ngoan, biết nghe lời bố mẹ, quan tâm cuộc sống gia đình, giúp đỡ cha mẹ nhiều việc trong gia đình, ở trường chấp hành đầy đủ nội quy, quy chế học tập của nhà trường, không thuộc trường hợp gia đình và nhà trường không thể giáo dục, đào tạo. Do vậy, áp dụng các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự về bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi phạm tội, chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội, chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi các hình phạt và biện pháp khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Tại phiên tòa bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, việc phạm tội do chưa hiểu biết pháp luật, bị cáo mong muốn được cải tạo địa phương để sửa chữa lỗi lầm và việc bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù không hiệu quả bằng việc cho bị cáo cải tạo tại địa phương, để bị cáo được tiếp tục đi học, để gia đình, nhà trường, địa phương giám sát, giáo dục, đào tạo, cải tạo bị cáo sửa chữa sai lầm, nhận thức tốt hơn để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[10] Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, áp dụng Điều 65, 91 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội và chính sách khoan hồng của pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phúc thẩm.

[11] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lê Như Y; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HS-ST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê Như Y phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Như Y 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm 04 (Bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Lê Như Y cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Lê Như Y không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2024/HS-ST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND huyện Vĩnh Tường;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CQ CSĐT Công an huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- UBND xã Tân Phú, huyện Vĩnh Tường;
- Lưu hồ sơ; Tòa hình sự, HC-TP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Huy Cẩn